

Bản án số: 74/2019/HS-ST
Ngày 30-9-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lê Phan Công Trí**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà **Nguyễn Thị Bích Tuyên**.

Bà **Khuu Liên Dung**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Hoàng Thị Nhung** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Ông **Mai Chí Nguyễn** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 86/2019/TLST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2019/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

LÊ TUẤN V (tên gọi khác: Bổng), sinh năm 1990 tại Bạc Liêu.

Nơi cư trú: Số 1/39, Khóm 6, Phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; Chỗ ở hiện nay: Khóm 2, Phường 1, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá (học vấn): không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Đ, sinh năm 1953 (đã chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1954 (đã chết); chưa có vợ con; tiền án: không; tiền sự: ngày 22/01/2019, bị UBND Phường 1, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng áp dụng biện pháp giáo dục tại phường với thời hạn 03 tháng về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định số 11/QĐ-UBND; tạm giữ ngày 18/4/2019; tạm giam ngày 26/4/2019. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ Công an thành phố B (có mặt).

- Bị hại:

1. Bà **Đặng Thị T**, sinh năm 1952 (vắng mặt).

2. Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1950 (vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: Số 7B, Khóm 2, Phường 7, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Bùi Tuấn K**, sinh năm 1964.

Nơi cư trú: Ấp Hòa Ngon A, xã Thạnh Yên A, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang.
Chỗ ở hiện nay: Số 7/1, đường Đoàn Thị Liên, Khu phố 5, phường Phú Lợi, thị xã TDM, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 05/4/2019, Lê Tuấn V thuê xe ôm đi từ thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng đến Bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu để thăm người thân đang điều trị bệnh. Khoảng 18 giờ cùng ngày, V ra về khi đi ngang bãi giữ xe của Bệnh viện Đa Khoa Bạc Liêu do bà Đặng Thị T quản lý, thì nhìn thấy xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Future FI, biển số: 68L1 – 082.44, màu đỏ - đen của ông Bùi Tuấn K đang đậu trong bãi giữ xe, trên xe có gắn chìa khóa nên nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe đem bán lấy tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng. Liên lúc này, V ngồi lên xe, đề máy nổ và điều khiển xe chạy về hướng cổng ra vào bãi giữ xe, khi đến vị trí máy quét thẻ giữ xe do Nguyễn Đức Minh P đang ngồi thu thẻ, thì V giả vờ đưa tay vào túi quần lấy thẻ, trong lúc P không để ý, V nhanh chóng tăng ga bỏ chạy ra khỏi cổng bãi giữ xe, P liền la lên “ê, ê” nhưng V không dừng lại mà tiếp tục tăng ga điều khiển xe bỏ chạy đến tiệm game bắn cá (không nhớ tên cụ thể) trên đường Tỉnh lộ 38, Khóm 8, Phường 5, thành phố B để chơi game bắn cá. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, ông K ra lấy xe về không thấy xe nên báo cho P biết, lúc này P quét thẻ từ giữ xe ông K đưa vào máy và xem lại camera ghi hình tại cổng ra vào bãi xe thì phát hiện Lê Tuấn V đã điều khiển xe của ông K ra khỏi bãi giữ xe mà không có thẻ lúc này, nên ông K đến Công an Phường 3, thành phố B trình báo. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, V điều khiển xe trên đi về hướng thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng, trên đường đi V nhặt được biển số xe 94H3 – 5560 ở lề đường, trước cơ sở thu mua phế liệu (không xác định được tên) lấy bỏ vào cốp xe tiếp tục điều khiển xe đến trước Trung tâm cai nghiện ma túy tỉnh Bạc Liêu thì dừng lại, dùng tua vít có sẵn trong xe tháo biển số 68L1- 082.44 bỏ vào cốp xe, gắn biển số 94H3-5560 vừa nhặt được vào xe nhằm tránh sự truy tìm của chủ sở hữu, tiếp tục đi về hướng thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng, trên đường đi, V thấy mệt nên ghé vào sạp trái cây bỏ trống bên đường nằm thì bị Công an xã Vĩnh Trạch, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu đi tuần tra phát hiện, mời về trụ sở cơ quan làm việc. Tuy nhiên, trong khi đang làm việc thì V tự ý bỏ về. Đến ngày 18/4/2019, V đến Công an Phường 3, thành phố B đầu thú.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 28/KL-HĐĐGTS ngày 19/4/2019, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B xác định: 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda, loại Future FI, biển số 68L1-082.44, số máy: JC54E2008431, số khung: RLHJC5385EY005231 tính đến ngày 05/04/2019, có giá trị thành tiền là 20.150.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 84/CT-VKSTPBL ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo Lê Tuấn V về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố bị cáo Lê Tuấn V phạm tội “Cướp giật tài sản”.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 171, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lê Tuấn V từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

+ Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Lê Tuấn V phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Lê Tuấn V đầu thú và đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố đối với bị cáo. Sau khi nghe Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu trình bày luận tội, bị cáo không có ý kiến tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị hại Đặng Thị T trình bày: Ngày 05/4/2019, khi nhân viên của bà yêu cầu bị cáo xuất trình thẻ gửi xe mô tô, lợi dụng sự mất cảnh giác của nhân viên thì bị cáo V tăng ga bỏ chạy. Hiện tại tài sản đã thu hồi và trao trả cho chủ sở hữu xong, bà không có yêu cầu gì khác, chỉ yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

- Bị hại Nguyễn Văn S trình bày: Ông là chồng của bà Đặng Thị T. Việc ký kết hợp đồng thuê bãi giữ xe của Bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu là do ông trực tiếp ký, nhưng ông đã giao lại cho bà Đặng Thị T quản lý. Mọi việc liên quan đến bãi giữ xe ông đồng ý theo ý kiến của bà T, ông không có yêu cầu nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lê Tuấn V, bị hại Đặng Thị T và Nguyễn Văn S không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về nội dung vụ án: Khi thấy ông Bùi Tuấn K gửi giữ xe mô tô biển kiểm soát số 68L1-082.44 tại bãi giữ xe Bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu thuộc Phường 3, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu nhưng quên rút chìa khóa nên bị cáo Lê Tuấn V đã nảy sinh ý định điều khiển xe chạy ra nơi kiểm soát vé, lợi dụng nhân viên mất cảnh giác bị cáo tăng ga xe mô tô nhanh chóng bỏ chạy để chiếm đoạt tài sản.

Lời khai nhận tội của bị cáo Lê Tuấn V tại phiên tòa phù hợp với lời khai của chính bị cáo trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa hôm nay; phù hợp với lời khai của bị hại là Đặng Thị T, ông Nguyễn Văn S về thời gian, địa điểm thực hiện tội phạm và đặc điểm tài sản bị chiếm đoạt; đồng thời phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa.

Trước, trong và sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Lê Tuấn V có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; khi thực hiện hành vi bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích vụ lợi nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định: “Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.”

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lê Tuấn V đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội, bị cáo đã tự nguyện đầu thú, nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về vật chứng: Tài sản bị cáo chiếm đoạt là chiếc xe mô tô biển kiểm soát số 68L1-082.44, đã thu hồi và trao trả cho ông Bùi Tuấn K xong.

Đối với biển kiểm soát xe số 94H3-5560, bị cáo trình bày là do bị cáo nhặt được không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy theo quy định tại khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Chiếc xe mô tô đã được gửi giữ trong bãi giữ xe của bà Đặng Thị T và ông Nguyễn Văn S, ông S, bà T và ông Bùi Tuấn K không có yêu cầu gì khác. Căn cứ khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo bị kết tội, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Tuấn V phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 171, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lê Tuấn V 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày tạm giữ 18/4/2019.

2. Về vật chứng:

Căn cứ khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tịch thu

biên kiểm soát xe số 94H3-5560 tiêu hủy (theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/8/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B).

3. Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Lê Tuấn V phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Án xử công khai, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND Tp. B;
- Nhà Tạm giữ Công an Tp.B;
- Công an Tp.B;
- Chi cục Thi hành án Dân sự Tp.B;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HSVA.

Lê Phan Công Trí